

PHÒNG GD&ĐT TRƯỜNG TH Họ và tên học sinh: Lớp:	KIỂM TRA HỌC KÌ II Năm học : Môn : TIẾNG VIỆT– Lớp 5 (Phần đọc thầm) Thời gian: 35 phút Ngày kiểm tra:...../...../.....	<u>Giám thi 1 (Kí-họ tên)</u> 	<u>Số phách</u>
		<u>Giám thi 2 (Kí-họ tên)</u> 	



<u>Điểm số</u>	<u>Điểm bằng chữ</u>	<u>Lời phê</u>	<u>Giám khảo 1 (Kí-họ tên)</u>	<u>Giám khảo 2 (Kí-họ tên)</u>	<u>Số phách</u>
			

A. Đọc thầm và làm bài tập sau:

Thầy thuốc như mẹ hiền

Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc giàu lòng nhân ái, không màng danh lợi. Có lần, một người thuyền chài có đứa con nhỏ bị bệnh đậu nặng, nhưng nhà nghèo, không có tiền chữa. Lãn Ông biết tin bèn đến thăm. Giữa mùa hè nóng nực, cháu bé nằm trong chiếc thuyền nhỏ hẹp, người đầy mụn mủ, mùi hôi tanh bốc lên nồng nặc. Nhưng Lãn Ông vẫn không ngại khổ. Ông ân cần chăm sóc đứa bé suốt một tháng trời và chữa khỏi bệnh cho nó. Khi từ giã nhà thuyền chài, ông chẳng những không lấy tiền mà còn cho thêm gạo, củi.

Một lần khác, có người phụ nữ được ông cho thuốc và giảm bệnh. Nhưng rồi bệnh tái phát, người chồng đến xin đơn thuốc mới. Lúc ấy trời đã khuya nên Lãn Ông hẹn đến khám kĩ mới cho thuốc. Hôm sau ông đến thì được tin người chồng đã lấy thuốc khác, nhưng không cứu được vợ. Lãn ông rất hối hận. Ông ghi trong sổ thuốc của mình: “Xét về việc thì người bệnh chết do tay thầy thuốc khác, song về tình thì tôi như mắc phải bệnh giết người. Càng nghĩ càng hối hận.”

Là thầy thuốc nổi tiếng, Lãn Ông nhiều lần được vua chúa vời vào cung chữa bệnh và được tiến cử vào chức ngự y, song ông đã khéo chối từ.

Suốt đời, Lãn ông không vươn vào vòng danh lợi. Ông có hai câu thơ tỏ chí của mình:

*Công danh trước mắt trôi như nước,
Nhân nghĩa trong lòng chẳng đổi phương.*

Theo TRẦN PHƯƠNG HẠNH

*** Dựa vào nội dung bài đọc em hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất:**

Câu 1. Thầy thuốc trong bài có tên là:

- A. Thượng Hải Lãn Ông
- B. Hải Thượng Lãn Ông
- C. Hai Thượng Lan Ông

KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO ĐÂY

KHÔNG ĐƯỢC VIẾT VÀO ĐÂY



Câu 2. Những chi tiết nói lên lòng nhân ái của Lãn Ông trong việc ông chữa bệnh cho con người thuyền chài là:

- A. Lãn Ông nghe tin nhưng coi như không nghe thấy gì.
- B. Lãn Ông biết nhà thuyền chài nghèo nên coi như không biết gì.
- C. Lãn Ông tự tìm đến thăm. Ông tận tụy chăm sóc người bệnh suốt cả tháng trời, không ngại khổ, ngại bẩn. Ông không lấy tiền mà còn cho họ gạo, củi.

Câu 3. Điều gì thể hiện lòng nhân ái của Lãn Ông trong việc ông chữa bệnh cho người phụ nữ ?

- A. Ông tự buộc tội mình về cái chết của một người bệnh không phải do ông gây ra.
- B. Ông chỉ cho thuốc cho riêng người phụ nữ đó.
- C. Ông chỉ cho thuốc một lần, không cho lần thứ hai.

Câu 4. Tìm đại từ trong câu: **“Xét về việc thì người bệnh chết do tay thầy thuốc khác, song về tình thì tôi như mắc phải bệnh giết người. Càng nghĩ càng hối hận.”**

- A. người bệnh
- B. người
- C. tôi

Câu 5. Vì sao có thể nói Lãn Ông là một người không màng danh lợi?

- A. Vì ông chữa bệnh cho người nghèo mà không lấy tiền.
- B. Vì ông từ chối chức ngự y mà vua ban cho.
- C. Cả hai ý trên đều đúng.

Câu 6: Tục ngữ, thành ngữ nào phù hợp với thầy thuốc lãn Ông?

- A. Lương sư hưng quốc.
- B. Lương y như từ mẫu.
- C. Lương sư ích hữu.

B)Trả lời các câu hỏi sau:

Câu 7. Đặt một câu với cặp từ quan hệ “Tuy... nhưng” và một câu với cặp từ quan hệ “Nếu ...thì”

.....
.....
.....

Câu 8. Tìm 2 câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao nói về quan hệ gia đình hoặc thầy trò.

.....
.....

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: Tiếng việt (Phần đọc)

Năm học:

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG:

Học sinh bốc thăm đọc một đoạn văn khoảng 1 phút và trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đọc trong các bài tập đọc sau:

Bài: Đất Cà Mau. Trang 89 (từ Cà Mau đất xốp.....thân cây đước)

H: Cây cối trên đất Cà Mau mọc ra sao?

Bài: Chuyện một khu vườn nhỏ - Trang 102 (Đọc từ đầu đến ...không phải là vườn!)

H: Bé Thu thích ra ban công để làm gì?

Bài: Mùa thảo quả - Trang 113 (Đọc từ Sự sống.....hết bài)

H: Khi thảo quả chín rừng có gì đẹp?

Bài: Trồng rừng ngập mặn - Trang 128 (từ nhờ phục hồi rừng..... vững chắc đê điều)

H: Nêu tác dụng của việc phục hồi rừng ngập mặn?

ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

Mức 1, 2:

* Đọc đúng tiếng, đúng từ: 2,5 điểm.

(Đọc sai từ 2 đến 4 tiếng : 2 điểm; đọc sai từ 5 tiếng đến 8 tiếng: 1,5 điểm, sai từ 9 tiếng trở lên: 1 điểm).

Mức 3:

* Giọng đọc bước đầu có biểu cảm 0,5 điểm.

* Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu 0,5 điểm.

* Đọc các cụm từ rõ nghĩa 0,5 điểm.

Mức 4:

* Tốc độ đọc đạt yêu cầu: 1 điểm. (Đọc quá 1 phút: 0 điểm)

* Trả lời đúng ý câu hỏi do GV nêu: 0,5 điểm. (Trả lời chưa đủ ý hoặc diễn đạt chưa rõ ràng: 0,25 điểm; trả lời sai hoặc không trả lời được: 0 điểm).

II. ĐỌC THÂM:

ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

Mức 1, 2: (2,5 điểm # 50%)

Mỗi đáp án đúng: 0,5 điểm

Câu 1. B ;

Câu 2. C ;

Câu 3. A ;

Câu 4. C ;

Câu 5. C ;

Mức 3: (1, 5 điểm # 30%)

Câu 6. B (0,5 điểm)

Câu 7. Đặt đúng mỗi câu 0,5 điểm.

Mức 4: (1 điểm # 20%)

Tìm 1 câu 0,5 điểm.

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: Tiếng Việt (Phần viết)
Năm học:

ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM.

Kiểm tra viết

1. Chính tả:

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, trình bày đúng đoạn văn, chữ viết rõ ràng: 5 điểm.
- Sai mỗi lỗi trừ 0,5 điểm.

2. Tập làm văn:

+ Đảm bảo các yêu cầu sau đạt 5 điểm:

- Viết một bài văn đúng nội dung, có đầy đủ 3 phần mở bài-thân bài-kết bài.
- Độ dài bài viết từ 12 câu trở lên.
- Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ không sai chính tả.
- Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp.

+ Tùy theo mức độ sai sót về ý, về diễn đạt và chữ viết có thể cho các mức điểm: 5 - 4,5đ - 4đ - 3,5 đ 0,5đ.